

NÂNG CAO NĂNG LỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TẠI PHƯỜNG VĨNH HUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG KỶ NGUYÊN GIÁO DỤC SỐ

Đỗ Ngọc Anh

Trường Tiểu học Thanh Trì, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong giáo dục Việt Nam, giáo viên tiểu học giữ vai trò then chốt trong việc triển khai dạy học số, phát triển năng lực công nghệ và hỗ trợ học sinh tiếp cận môi trường học tập hiện đại. Phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội là địa bàn có tốc độ đô thị hóa nhanh, hạ tầng giáo dục phát triển mạnh nhưng vẫn tồn tại sự chênh lệch về năng lực số giữa các giáo viên. Trên cơ sở phân tích lý luận về năng lực chuyển đổi số, mô hình giáo dục số và các khung năng lực giáo viên quốc tế, bài viết khảo sát thực trạng năng lực số của giáo viên tiểu học tại phường Vĩnh Hưng, chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng, đồng thời đề xuất nhóm giải pháp toàn diện nhằm nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ giáo viên. Các giải pháp bao gồm: (1) Giải pháp về quản lý chiến lược; (2) Giải pháp về quản lý hạ tầng và tài nguyên số; (3) Giải pháp về phát triển đội ngũ và quản lý chuyên môn; (4) Giải pháp về phối hợp gia đình – nhà trường – cộng đồng. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp luận cứ khoa học trong việc triển khai chương trình chuyển đổi số tại các trường tiểu học trên địa bàn phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội.

Từ khóa: Chuyển đổi số; giáo dục số; giáo viên tiểu học; năng lực số; phường Vĩnh Hưng; thành phố Hà Nội.

Nhận bài ngày 10.11.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 30.12.2025

Liên hệ tác giả: Đỗ Ngọc Anh; email: ngocanh21200@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, giáo dục đang đứng trước những cơ hội và thách thức mang tính bước ngoặt. Những thay đổi trong công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn đã tạo ra một môi trường học tập hoàn toàn mới, đòi hỏi giáo viên không chỉ nắm vững chuyên môn sư phạm truyền thống mà còn phải có năng lực vận dụng công nghệ số trong dạy học và quản lý giáo dục. Tại Việt Nam, Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Chương trình chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo đều nhấn mạnh nhiệm vụ nâng cao năng lực chuyển đổi số cho giáo viên như một điều kiện tiên quyết để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội là khu vực đô thị có tốc độ phát triển nhanh, với hệ thống các trường tiểu học đông học sinh và đội ngũ giáo viên đa dạng. Trong những năm gần đây, các trường tiểu học trên địa bàn đã tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học, đặc biệt giai đoạn sau đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, sự chênh lệch năng lực chuyển đổi số giữa các giáo viên vẫn còn lớn; một bộ phận giáo viên chưa tự tin khi ứng dụng công nghệ vào dạy học; việc xây dựng học liệu số còn hạn chế; và năng lực tổ chức dạy học trực tuyến chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc nghiên cứu “Nâng cao năng lực chuyển đổi số cho GVTH tại phường Vĩnh Hưng, Hà Nội trong kỷ nguyên giáo dục số” là cần thiết và có ý nghĩa khoa học, thực tiễn sâu sắc. Nghiên cứu nhằm phân tích cơ sở lý luận về năng lực số của giáo viên, khảo sát thực trạng tại các trường tiểu học ở phường Vĩnh Hưng, xác định những yếu tố ảnh hưởng và từ đó đề xuất hệ thống giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành giáo dục.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm về năng lực chuyển đổi số

Năng lực chuyển đổi số (CDS) của giáo viên được hiểu là khả năng sử dụng, ứng dụng và sáng tạo công nghệ số trong giảng dạy, quản lý, đánh giá và phát triển nghề nghiệp. Theo UNESCO (2020), năng

lực số không chỉ dừng lại ở việc sử dụng thành thạo thiết bị công nghệ, mà bao gồm cả khả năng thiết kế học liệu số, tổ chức môi trường học tập trực tuyến, đảm bảo an toàn số và khai thác các công cụ phân tích dữ liệu học tập. Đối với giáo viên tiểu học (GVTH), năng lực CDS càng quan trọng khi các em học sinh đang sống trong môi trường số hóa mạnh mẽ nhưng kỹ năng tự học còn hạn chế; do đó, giáo viên phải đóng vai trò định hướng, hỗ trợ và dẫn dắt hoạt động học tập số một cách phù hợp lứa tuổi.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, năng lực số của giáo viên đã trở thành một trong những nhóm năng lực cốt lõi cần thiết bên cạnh năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm và năng lực phát triển nghề nghiệp. Sự phát triển của công nghệ mở ra nhiều cơ hội nâng cao hiệu quả dạy học, song cũng đòi hỏi giáo viên phải liên tục cập nhật kiến thức và kỹ năng để theo kịp sự phát triển của xã hội số.

2.2. CDS trong giáo dục tiểu học

CDS trong giáo dục tiểu học không chỉ đơn thuần là số hóa học liệu hay trang bị thiết bị công nghệ trong lớp học. Bản chất của CDS là tái cấu trúc lại toàn bộ quá trình dạy học, chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình giáo dục linh hoạt, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu. Trong các trường tiểu học, CDS thể hiện qua việc ứng dụng nền tảng học tập trực tuyến, phần mềm quản lý nhà trường, sổ liên lạc điện tử, bài giảng điện tử, học liệu số và các công cụ hỗ trợ đánh giá năng lực học sinh. Đây là giai đoạn nền tảng để phát triển giáo dục thông minh – giáo dục 4.0.

Tuy nhiên, đặc thù học sinh tiểu học đòi hỏi giáo viên phải có trình độ sư phạm số phù hợp: lựa chọn công cụ phù hợp, thiết kế hoạt động học tập hấp dẫn, hỗ trợ tương tác an toàn và bảo vệ học sinh khỏi rủi ro không gian mạng. Vì vậy, CDS ở cấp tiểu học chỉ thực sự hiệu quả khi năng lực số của giáo viên được tăng cường toàn diện.

2.3. Mối quan hệ giữa năng lực CDS và chất lượng giảng dạy

Chất lượng giáo dục tiểu học phụ thuộc rất lớn vào khả năng đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên. Khi giáo viên có năng lực số tốt, họ có thể:

- Thiết kế các bài học trực quan, sinh động thông qua đa phương tiện;
- Tạo môi trường học tập tương tác cao;
- Tổ chức các hoạt động học tập mang tính cá nhân hóa;
- Sử dụng công nghệ để đánh giá thường xuyên, kịp thời;
- Tăng mức độ tham gia và hứng thú của học sinh.

Ngược lại, hạn chế về năng lực số sẽ khiến giáo viên loay hoay trước công nghệ, dẫn đến việc sử dụng công nghệ không hiệu quả, thậm chí mang tính đối phó, làm giảm chất lượng dạy học. Do đó, nâng cao năng lực CDS cho giáo viên không chỉ là yêu cầu của thời đại, mà còn là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục tiểu học trong dài hạn.

2.4. Khung lý thuyết nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý luận về CDS và năng lực số, nghiên cứu này sử dụng ba khung lý thuyết chính: khung năng lực số của giáo viên UNESCO (2018), khung năng lực số DigCompEdu của châu Âu (2017) và khung CDS trong giáo dục Việt Nam (Bộ GD&ĐT, 2022). Việc kết hợp các khung lý thuyết này giúp nghiên cứu có một cơ sở khoa học vững chắc để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực CDS của GVTH tại phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội.

Nhóm yếu tố thứ nhất là năng lực kỹ thuật số, phản ánh khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị, phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng học tập trực tuyến của giáo viên.

Nhóm yếu tố thứ hai là năng lực sư phạm số, thể hiện ở khả năng thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động dạy học tích hợp công nghệ, đồng thời áp dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, phù hợp với đặc điểm học sinh và bối cảnh lớp học.

Nhóm yếu tố thứ ba là năng lực phát triển học liệu, tập trung vào khả năng tạo lập, lựa chọn và sử dụng các nguồn học liệu số một cách sáng tạo, hiệu quả, phục vụ cho quá trình giảng dạy và học tập.

Nhóm yếu tố thứ tư là năng lực an toàn và đạo đức số, nhấn mạnh việc giáo viên cần có nhận thức và thực hành đúng các nguyên tắc bảo mật thông tin, quyền riêng tư, đồng thời phát triển ý thức trách nhiệm và chuẩn mực đạo đức trong môi trường số.

Các yếu tố này tương tác với nhau, cùng tác động đến hiệu quả CDS trong các trường tiểu học. Việc phân tích khung lý thuyết này giúp xác định những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc nâng cao năng lực số cho giáo viên. Cơ sở lý luận cũng chỉ ra rằng năng lực số và CDS không chỉ là yêu cầu về công nghệ, mà còn là giải pháp chiến lược giúp nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường khả năng tiếp cận tri thức của học sinh, đồng thời phát huy bản sắc văn hóa địa phương và hướng tới sự phát triển bền vững của giáo dục Việt Nam.

2.5. Các nghiên cứu quốc tế và trong nước về năng lực CDS trong giáo dục tiểu học

2.5.1. Các nghiên cứu quốc tế về năng lực CDS trong giáo dục tiểu học

Trong bối cảnh giáo dục toàn cầu ngày càng số hóa, nhiều nghiên cứu quốc tế đã tập trung vào năng lực CDS của GVTH, nhấn mạnh vai trò quan trọng của năng lực số trong việc nâng cao chất lượng dạy và học. Các nghiên cứu này chỉ ra rằng, GVTH không chỉ cần thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn phải biết cách tích hợp công nghệ vào phương pháp sư phạm để tạo ra môi trường học tập tương tác, linh hoạt và phù hợp với trẻ em.

Khung năng lực số DigCompEdu của châu Âu (2017) và khung năng lực số của UNESCO (2018) đã được áp dụng rộng rãi trong các nghiên cứu tại châu Âu, Bắc Mỹ, Úc và Singapore, nhằm đánh giá khả năng sử dụng công nghệ của GVTH trong việc thiết kế bài giảng, phát triển học liệu số, quản lý lớp học trực tuyến và thực hành các nguyên tắc đạo đức số. Các nghiên cứu này nhấn mạnh rằng, giáo viên có năng lực số cao có thể tạo điều kiện để học sinh phát triển các kỹ năng tư duy, hợp tác và giải quyết vấn đề thông qua hoạt động học tập số hóa.

Nghiên cứu của Redecker (2017) và các nghiên cứu tại Phần Lan, Singapore đều cho thấy, việc đào tạo liên tục và hỗ trợ kỹ thuật là điều kiện tiên quyết giúp GVTH thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường giáo dục số. Đồng thời, các nghiên cứu này cũng chỉ ra tầm quan trọng của yếu tố bối cảnh và văn hóa trong năng lực CDS, bởi năng lực của giáo viên chịu ảnh hưởng từ hạ tầng công nghệ, chính sách hỗ trợ, môi trường học tập và thái độ của học sinh cũng như phụ huynh. Những nghiên cứu quốc tế này cung cấp cơ sở lý luận và gợi ý thực tiễn quan trọng cho việc nâng cao năng lực CDS của GVTH ở nhiều quốc gia, từ đó cải thiện hiệu quả dạy học và sự tương tác trong lớp học.

2.5.2. Các nghiên cứu trong nước về năng lực CDS trong giáo dục tiểu học

Ở Việt Nam, chủ đề giáo dục bền vững và CDS được quan tâm mạnh mẽ từ sau năm 2015. Tại Việt Nam, các nghiên cứu thực nghiệm và khảo sát gần đây đã bắt đầu làm sáng tỏ năng lực CDS của GVTH, đồng thời chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng và thách thức trong việc phát triển năng lực số tại bậc tiểu học. Chẳng hạn, nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Chuyên và cộng sự (2024) tiến hành với 260 GVTH tại vùng núi phía Bắc Việt Nam (northern mountainous areas) đã sử dụng phân tích nhân tố và hồi quy đa biến để xác định bảy yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến năng lực số của giáo viên, bao gồm khả năng tích hợp công nghệ vào giảng dạy, điều kiện cho CDS trong dạy học, khả năng tạo nguồn học liệu số, việc lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với công nghệ, nhu cầu phát triển chuyên môn, chính sách nhà trường và khả năng lựa chọn tài nguyên số. Kết quả này cung cấp cái nhìn quan trọng về các khía cạnh cần đầu tư nếu muốn nâng cao năng lực số cho GVTH ở những khu vực khó khăn.

Một công trình nghiên cứu khác đáng chú ý là của Nguyễn Ngọc Trang và Nguyễn Lan Phương (2023), khảo sát các GVTH tại tỉnh An Giang, khu vực biên giới phía Nam. Nghiên cứu này sử dụng bảng câu hỏi Likert và chỉ ra năm nhân tố ảnh hưởng đến kỹ năng CDS (digital transformation) của giáo viên: trong đó, “ý định sử dụng công nghệ” (intention) được xem là nhân tố chủ đạo. Kết quả cho thấy, GVTH nếu có ý định mạnh mẽ và được hỗ trợ thích hợp sẽ sẵn sàng phát triển kỹ năng công nghệ, từ đó cải thiện chất lượng dạy học trong môi trường số hóa.

Ngoài ra, nghiên cứu của Võ Thía Bảy và Hoàng Hải Nam (2024) cũng khám phá quan điểm của GVTH và sinh viên sư phạm tiểu học về năng lực số. Qua khảo sát, tác giả nhận thấy rõ ràng sự chênh lệch trong nhận thức về các khía cạnh an toàn mạng và đánh giá kỹ năng số: GVTH có mối lo ngại lớn về bảo mật thông tin và an toàn khi sử dụng công nghệ, trong khi sinh viên sư phạm cũng mong muốn chương trình đào tạo chú trọng hơn vào việc đánh giá kỹ năng số và bảo vệ an toàn số trong môi trường học đường.

Những nghiên cứu này, mặc dù chưa nhiều, nhưng đã tạo nền tảng thực tiễn quan trọng để đánh giá năng lực CDS của GVTH tại Việt Nam. Kết quả các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, phát triển năng lực số cho GVTH không chỉ là việc trang bị kỹ năng công nghệ, mà còn phải gắn liền với nhận thức về an toàn số, chính sách trường học, và động lực nội tại như ý định sử dụng công nghệ. Đây cũng là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách và lãnh đạo trường tiểu học cân nhắc đầu tư vào các chương trình đào tạo, phát triển chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật phù hợp, nhằm thúc đẩy CDS một cách bền vững trong giáo dục tiểu học.

2.6. Thực trạng về giáo dục và năng lực CDS cho GVTH tại phường Vĩnh Hưng, Hà Nội trong kỷ nguyên giáo dục số

2.6.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của phường Vĩnh Hưng, Hà Nội

Phường Vĩnh Hưng trực thuộc thành phố Hà Nội, chính thức hoạt động từ ngày 1/7/2025 trên cơ sở

sáp nhập các đơn vị hành chính cũ. Nhập phần lớn diện tích tự nhiên và dân số của các phường: Vĩnh Hưng, Thanh Trì (quận Hoàng Mai), một phần diện tích tự nhiên và dân số của các phường: Lĩnh Nam (quận Hoàng Mai), Vĩnh Tuy (quận Hai Bà Trưng).

- Diện tích tự nhiên: Tổng diện tích của phường là 4,47 km².

- Quy mô dân số: Tổng dân số của phường là 67.561 người.

Cơ cấu kinh tế của phường Vĩnh Hưng chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng đô thị hóa, từ nông nghiệp sang dịch vụ - thương mại và bất động sản:

- Thương mại - Dịch vụ: Là lĩnh vực chủ đạo, phát triển mạnh tại các trục đường huyết mạch như Lĩnh Nam, Minh Khai, Tam Trinh với hệ thống cửa hàng, siêu thị, dịch vụ ăn uống, logistics.

- Phát triển bất động sản: Nhiều dự án khu đô thị mới, chung cư cao tầng đang được triển khai, thu hút dòng vốn đầu tư và tạo ra nguồn thu ngân sách lớn.

- Dịch vụ kho vận: Có thể mạnh phát triển kho hàng trung chuyển, trung tâm phân phối và dịch vụ hậu cần, vận tải nhờ vị trí và kết nối giao thông.

Quận Hoàng Mai (trước khi sáp nhập) là địa phương có mức đầu tư cho giáo dục rất lớn, hơn 50% ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản của quận dành cho ngành giáo dục (theo báo cáo công khai năm 2024 của UBND quận). Giai đoạn 2020–2025, quận Hoàng Mai xây mới 14 trường học, nâng cấp hàng chục hạng mục phòng học, phòng bộ môn, hạ tầng CNTT. Đây là cơ sở thuận lợi để các phường, trong đó có Vĩnh Hưng, đẩy mạnh CDS trong giáo dục.

Tuy nhiên, khác với các phường trung tâm như Mai Động hay Tân Mai, Vĩnh Hưng vẫn còn những khu vực hạ tầng cũ, dân cư đông, nhiều hộ lao động nhập cư; nhận thức và điều kiện tiếp cận công nghệ của phụ huynh không đồng đều. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận học tập số của học sinh và khả năng triển khai giáo dục số tại các trường tiểu học trên địa bàn.

2.6.2. Thực trạng hệ thống giáo dục tiểu học tại phường Vĩnh Hưng, Hà Nội

Hiện nay, phường Vĩnh Hưng có 04 trường tiểu học công lập, bao gồm: Tiểu học Vĩnh Hưng; Tiểu học Thanh Trì; Tiểu học Lĩnh Nam; Tiểu học Vĩnh Tuy.

- Tổng số học sinh khoảng 4.500 em.

- Đội ngũ giáo viên: Tổng số GVTH của phường là 310 giáo viên. Trong đó: 100% giáo viên đạt chuẩn đào tạo; khoảng 78 – 82% đạt chuẩn trên chuẩn. Khoảng 95% giáo viên có chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản, nhưng chỉ khoảng 30–35% tự tin sử dụng thành thạo phần mềm dạy học trực tuyến, phần mềm quản lý hoặc thiết kế học liệu số. Độ tuổi trung bình giáo viên tại phường dao động 34 – 42 tuổi, trong đó một tỷ lệ đáng kể là giáo viên lâu năm, gặp khó khăn trong tiếp cận công nghệ mới.

Tình trạng thiếu giáo viên vẫn tồn tại: theo báo cáo của quận Hoàng Mai (quận trước sáp nhập), toàn quận thiếu 951 giáo viên so với định mức; vì thế phường Vĩnh Hưng cũng phải chịu áp lực sĩ số lớp học cao, khiến giáo viên khó có thời gian tự bồi dưỡng năng lực số.

2.6.3. Thực trạng triển khai nâng cao năng lực CDS cho GVTH trong kỷ nguyên giáo dục số

- Hạ tầng công nghệ và học liệu số

100% các trường trong phường đã được kết nối Internet cáp quang; tuy nhiên vẫn còn tình trạng mạng không ổn định vào giờ cao điểm.

Khoảng 65% phòng học có máy chiếu/TV thông minh, nhưng chỉ 40% được sử dụng thường xuyên trong dạy học.

Khoảng 20% giáo viên đã từng xây dựng bài giảng E-learning, thấp hơn mức trung bình toàn phường (~32%).

- Năng lực số của giáo viên

74 – 80% giáo viên sử dụng thành thạo Word, PowerPoint.

Chỉ 34% sử dụng được một trong các công cụ dạy học trực tuyến như: Google Classroom, Azota, Quizizz, ClassPoint.

Khoảng 22% thiết kế được video bài giảng hoặc học liệu số.

90% sử dụng VnEdu hoặc SMAS ở mức nhập liệu cơ bản; chỉ 15% khai thác đầy đủ chức năng của hệ thống quản lý.

- Năng lực số của học sinh và nhận thức phụ huynh

Khoảng 70% học sinh có thiết bị học tập ở nhà (main là smartphone), nhưng chỉ khoảng 40% có máy tính hoặc tablet.

30% phụ huynh e ngại việc con học trực tuyến vì sợ ảnh hưởng mắt hoặc “ngại màn hình”.

- *Công tác quản trị giáo dục số*

Các trường đã có kế hoạch CDS nhưng chủ yếu là kế hoạch chung của quận.

Thiếu bộ phận hỗ trợ kỹ thuật riêng trong trường.

Dữ liệu học sinh – giáo viên còn phân tán, chưa có trung tâm dữ liệu dùng chung cấp phường.

2.6.4. Đánh giá chung và phân tích SWOT

- *Điểm mạnh (S)*: Hạ tầng cơ bản khá tốt (so với mặt bằng thành phố Hà Nội); Đội ngũ giáo viên trẻ chiếm tỷ lệ lớn, tinh thần đổi mới cao; Quận Hoàng Mai (quận trước khi sáp nhập) liên tục đầu tư mạnh vào giáo dục (50% ngân sách đầu tư cơ bản).

- *Điểm yếu (W)*: Năng lực số không đồng đều; 30–40% giáo viên còn hạn chế kỹ năng công nghệ; Thiếu chuyên gia CNTT tại trường; Học sinh thiếu thiết bị học tập chất lượng.

- *Cơ hội (O)*: Hà Nội là địa phương dẫn đầu trong triển khai CDS quốc gia; Nhiều doanh nghiệp công nghệ (FPT, Viettel, VNPT) đang hỗ trợ giáo dục; Phường Vĩnh Hưng có tốc độ đô thị hóa mạnh — nền tảng tốt cho giáo dục số.

- *Thách thức (T)*: Sự chênh lệch điều kiện công nghệ giữa các nhóm dân cư; Áp lực sĩ số lớp học cao; giáo viên thiếu thời gian tự bồi dưỡng.

Thực trạng tại phường Vĩnh Hưng cho thấy quá trình CDS trong giáo dục tiểu học đã đạt được những bước tiến quan trọng, đặc biệt ở hạ tầng công nghệ, sự quan tâm đầu tư của thành phố Hà Nội và tinh thần đổi mới của đội ngũ giáo viên. Tuy nhiên, việc triển khai vẫn còn thiếu đồng bộ; năng lực số của giáo viên chưa thật sự đồng đều, học sinh vẫn thiếu thiết bị học tập phù hợp, trong khi công tác hỗ trợ kỹ thuật tại trường còn hạn chế. Bên cạnh đó, đặc điểm dân cư đông, chênh lệch điều kiện kinh tế giữa các nhóm hộ gia đình và áp lực sĩ số lớp học lớn cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các hoạt động dạy học số.

Dù vậy, phường Vĩnh Hưng đang đứng trước nhiều cơ hội thuận lợi từ định hướng CDS mạnh mẽ của thành phố Hà Nội, sự hỗ trợ của các doanh nghiệp công nghệ lớn cùng tốc độ đô thị hóa nhanh của địa bàn. Nếu biết tận dụng các lợi thế sẵn có, đồng thời khắc phục những điểm yếu và thách thức hiện tại, phường Vĩnh Hưng có khả năng trở thành địa bàn triển khai hiệu quả mô hình CDS trong giáo dục tiểu học, hướng đến xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, linh hoạt và bền vững trong kỷ nguyên số.

2.7. Giải pháp nâng cao năng lực CDS cho GVTH tại phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội trong kỷ nguyên giáo dục số

2.7.1. Giải pháp về quản lý chiến lược

Các quản lý giáo dục cần xây dựng kế hoạch CDS cấp phường dựa trên tầm nhìn dài hạn, gồm mục tiêu chiến lược, chỉ số đo lường cụ thể (KPI) và lộ trình triển khai theo từng năm học. Kế hoạch cần được xây dựng theo hướng hệ thống và đồng bộ, đảm bảo sự kết nối giữa các trường tiểu học, không chỉ trong việc triển khai công nghệ mà còn trong phát triển chuyên môn số và chia sẻ học liệu.

Thành lập Tổ điều phối CDS cấp phường, gồm đại diện cán bộ quản lý các trường, giáo viên nòng cốt, chuyên viên CNTT, chịu trách nhiệm giám sát, tư vấn và điều phối các hoạt động CDS giữa các trường. Công tác kiểm tra – đánh giá được thực hiện định kỳ, sử dụng bộ tiêu chí chuẩn hóa dựa trên Khung năng lực số của Bộ GD&ĐT (2022), kết hợp báo cáo định kỳ, khảo sát giáo viên và học sinh, nhằm phát hiện sớm những khó khăn và kịp thời điều chỉnh.

Ngoài ra, cấp quản lý cần triển khai hội nghị chuyên đề, tọa đàm định kỳ về CDS, để tổng kết kết quả, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận các vấn đề phát sinh và xây dựng các giải pháp cải tiến liên tục.

2.7.2. Giải pháp về quản lý hạ tầng và tài nguyên số

Đầu tư hạ tầng công nghệ theo cụm trường, tránh dàn trải, tập trung vào nâng cấp đường truyền Internet, thiết bị trình chiếu, phòng máy tính, máy tính bảng và các nền tảng quản trị học tập trực tuyến. Hạ tầng phải được kiểm định định kỳ về chất lượng và khả năng đáp ứng nhu cầu dạy học trực tuyến, đồng thời tính đến khả năng mở rộng trong tương lai.

Cần xây dựng kho học liệu số cấp phường, bao gồm tài liệu chuẩn hóa theo chương trình, bài giảng điện tử, video hướng dẫn, đề kiểm tra và trò chơi giáo dục số. Kho học liệu này nên được kết nối và chia sẻ giữa các trường, có cơ chế đánh giá, phản hồi của giáo viên để liên tục nâng cấp chất lượng.

Triển khai cơ chế huy động xã hội hóa và hợp tác doanh nghiệp, ví dụ hợp tác với các công ty CNTT, các nhà phát triển phần mềm giáo dục để hỗ trợ thiết bị, nền tảng và đào tạo giáo viên. Mọi hoạt động huy động đều phải minh bạch, có kế hoạch rõ ràng, đảm bảo bình đẳng giữa các trường và nhóm học sinh.

2.7.3. Giải pháp phát triển đội ngũ và quản lý chuyên môn

Chỉ đạo các trường thực hiện đánh giá năng lực số của giáo viên theo các tiêu chí về kỹ năng kỹ thuật số, năng lực sư phạm số, phát triển học liệu và an toàn – đạo đức số. Dựa trên kết quả này, tổ chức bồi dưỡng chuyên biệt theo nhóm nhu cầu, bao gồm các khóa tập huấn ngắn hạn, workshop trực tuyến, mentoring từ giáo viên nòng cốt.

Thiết lập đội ngũ giáo viên nòng cốt số, được tập huấn chuyên sâu về công nghệ giáo dục, thiết kế bài giảng số và quản lý lớp học trực tuyến. Họ đóng vai trò “cầu nối” giữa giáo viên và quản lý, hỗ trợ kỹ thuật và chia sẻ kinh nghiệm. Sinh hoạt chuyên môn liên trường cần được duy trì thường xuyên, kết hợp với việc ghi nhận thành tích thông qua tiêu chí thi đua, khen thưởng, nhằm tạo động lực bền vững.

Bên cạnh đó, xây dựng cơ chế mentoring và chia sẻ trực tuyến, nơi giáo viên có thể đăng tải bài giảng, học liệu và nhận phản hồi từ đồng nghiệp, tạo môi trường học tập cộng đồng, khuyến khích đổi mới sáng tạo và áp dụng công nghệ vào giảng dạy.

2.7.4. Giải pháp về phối hợp gia đình – nhà trường – cộng đồng

Cần tổ chức các chương trình tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh về quản lý việc học trực tuyến của con, đảm bảo an toàn mạng, nhận diện rủi ro và giáo dục kỹ năng số cho trẻ.

Phát triển các “góc học tập số cộng đồng”, ví dụ tại thư viện, nhà văn hóa hoặc điểm học tập công cộng, giúp học sinh không có thiết bị hoặc điều kiện truy cập Internet tại nhà vẫn được tiếp cận công nghệ. Đồng thời, mở rộng hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức phi chính phủ để tài trợ thiết bị, phần mềm giáo dục và các chương trình hướng dẫn kỹ năng số cho học sinh.

Cơ chế phối hợp cũng nên bao gồm đánh giá định kỳ tác động, thu thập phản hồi từ phụ huynh, học sinh và giáo viên để cải tiến chương trình. Việc này giúp giảm khoảng cách số giữa các nhóm học sinh, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục số, đồng thời nâng cao sự hài lòng của cộng đồng với hoạt động CDS tại các trường tiểu học.

3. KẾT LUẬN

Nâng cao năng lực CDS cho GVTH tại phường Vĩnh Hưng không chỉ là việc ứng dụng công nghệ vào dạy học, mà còn là một quá trình phát triển toàn diện, giúp giáo viên chủ động, sáng tạo trong giảng dạy và học sinh tiếp cận kiến thức linh hoạt, hiện đại, đồng thời gìn giữ các giá trị văn hóa địa phương.

Hệ thống giải pháp nghiên cứu đề xuất tập trung vào bốn giải pháp: Giải pháp về quản lý chiến lược; Giải pháp về quản lý hạ tầng và tài nguyên số; Giải pháp về phát triển đội ngũ và quản lý chuyên môn; Giải pháp về phối hợp gia đình – nhà trường – cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nếu bốn giải pháp này được triển khai một cách đồng bộ và nhất quán, năng lực CDS của giáo viên sẽ được nâng cao, chất lượng dạy học được cải thiện, và môi trường học tập hiện đại, linh hoạt cho học sinh được hình thành. Đồng thời, việc thực hiện các giải pháp này còn góp phần nâng cao năng lực quản lý, thúc đẩy sự phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng, hướng tới một nền giáo dục tiểu học hiện đại, công bằng và bền vững trong kỷ nguyên CDS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội.
2. Hanoionline. (2025). *Phường Vĩnh Hưng: Tất cả thông tin chỉ dẫn bạn cần biết*. Hà Nội. <https://hanoionline.vn/phuong-vinh-hung-tat-ca-thong-tin-chi-dan-ban-can-biet-344598.htm>
3. Nguyễn Ngọc Trang & Nguyễn Lan Phương. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng chuyển đổi số của giáo viên tiểu học tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 21(4), 112–123.
4. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Nguyễn Thị Thu Hương, & Lò Văn Nhất. (2024). Factors affecting digital competencies of primary school teachers in northern mountainous areas of Vietnam. *International Journal of Education and Research*, 12(3), tr.45–60.
5. Võ Thía Bầy, Hoàng Hải Nam. (2024). Digital competency: Perspectives of teacher students and primary teachers. *Malaysian Journal of Learning and Instruction*, 10(2), pp.55–70.
6. European Commission. (2017). *European Framework for the Digital Competence of Educators: DigCompEdu*. Joint Research Centre.
7. Redecker, C. (2017). *European Framework for the Digital Competence of Educators: DigCompEdu*. Publications Office of the European Union.
8. UNESCO. (2018). *ICT Competency Framework for Teachers (Version 3)*. UNESCO Publishing.

9. UNESCO. (2020). *Digital Literacy Global Framework*. UNESCO Institute for Statistics.
10. Vrdelja, M., Varga, A., & Dolenc, K. (2021). Digital literacy of teachers in primary education. *Education and Information Technologies*, 26(1), pp.1235–1252.

ENHANCING DIGITAL TRANSFORMATION COMPETENCIES FOR PRIMARY SCHOOL TEACHERS IN VINH HUNG WARD, HANOI CITY IN THE ERA OF DIGITAL EDUCATION

Abstract: *In the context of rapid digital transformation in Vietnamese education, primary school teachers play a key role in implementing digital teaching, developing technological competencies, and supporting students in accessing modern learning environments. Vinh Hung Ward, Hanoi, is an area experiencing rapid urbanization, with well-developed educational infrastructure, yet disparities in digital competencies among teachers still exist. Based on a theoretical analysis of digital transformation competencies, digital education models, and international teacher competency frameworks, this study examines the current status of digital competencies among primary school teachers in Vinh Hung Ward, identifies influencing factors, and proposes a set of comprehensive solutions to enhance teachers' digital transformation capabilities. The proposed solutions include: (1) strategic management solutions; (2) management of infrastructure and digital resources; (3) professional development and instructional management solutions; and (4) solutions for collaboration among families, schools, and the community. The research findings provide scientific evidence to support the implementation of digital transformation programs in primary schools in Vinh Hung Ward, Hanoi city.*

Keywords: *Digital transformation; digital education; primary school teachers; digital competency; Vinh Hung ward; Hanoi city.*